

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS-PT

Ngày 22 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp đất đai, bồi
thường thiệt hại về tài sản, thừa
kế quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang; ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/DSPT ngày 23/12/2021 về việc “Tranh chấp đất đai; thừa kế; bồi thường thiệt hại về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS- ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX – PT ngày 23/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐ- PT ngày 22/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Vũ Thị Kh, sinh năm 1950 (vắng mặt);

HKTT: Xóm Ch, thôn DL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

Địa chỉ: Thôn LC, xã MT, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

2. Bà Thân Thị R, sinh năm 1944 (vắng mặt);

Địa chỉ: XL, thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà R theo văn bản ủy quyền ngày 04/6/2007*: Bà Thân Thị M, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm C, thôn NT, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*:

1. Chị Thân Thị H, sinh năm 1978 (có mặt);

2. Anh Vũ Duy K, sinh năm 1975 do chị Thân Thị H đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018 (anh K vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm C, thôn NT, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thân Thị R, sinh năm 1944 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm L, thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà R*: Bà Thân Thị M, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm C, thôn NT, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

2. Cụ Thân Thị L, sinh năm 1928 (đã chết);

3. Bà Vũ Thị Kh1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

4. Ông Vũ Thị Kh2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm C, thôn NT, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

5. Ông Vũ Duy Kh3, sinh năm 1953 (vắng mặt);

6. Anh Vũ Duy Kh4, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm Ch, thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh3 và anh Kh4 (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018)*: Chị Thân Thị H, sinh năm: 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm Ch, thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

7. Bà Vũ Thị Kh5, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Xóm 1, thôn TH, xã VH, huyện VY, tỉnh Bắc Giang;

8. Bà Vũ Thị Kh6, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 3, xã Tiến Thành, huyện Đak RLấp, tỉnh Đak Nông;

9. Bà Vũ Thị Kh7, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 10, LTV, khu phố 7, phường PM, thành phố PR, TC, Ninh Thuận;

10. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm Si, thôn Như Thiết, Hồng Thái, Việt Yên, Bắc Giang;

11. Ông Nguyễn Quang C, sinh năm 1951 (vắng mặt);

12. Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1982 (vắng mặt);

13. Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1983 (vắng mặt);

14. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn LC, xã MT, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông C, anh H, anh Tr, chị H:* Bà Vũ Thị Kh (vắng mặt);

15. Ủy ban nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang, do ông Lương Ngọc Đ đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

16. UBND xã HT - Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn M - Chủ tịch UBND xã HT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2004, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bà Vũ Thị Kh trình bày: Cụ Thân Thị Kh8 và cụ Vũ Duy Ph kết hôn khoảng năm 1943, quá trình chung sống hai cụ không có con chung. Năm 1944 cụ Kh8 nhận bà R làm con nuôi. Năm 1948, cụ Ph cưới cụ Thân Thị L, 3 cụ vẫn sống chung với nhau một thời gian. Sau đó cụ Kh8 ra ở riêng. Cụ Ph và cụ L sinh được 7 người con gồm: Ông Vũ Duy Kh3, bà Vũ Thị Kh, bà Vũ Thị Kh5, bà Vũ Thị Kh1, ông Vũ Thị Kh2, bà Vũ Thị Kh6, bà Vũ Thị Kh7. Năm 1974 cụ Kh8 về nghỉ hưu, Hợp tác xã HT đã giao đất cho cụ Kh8 để có chỗ ở. Năm 1980, vợ chồng Bà Kh đến sống cùng Cụ Kh8. Ngày 03/12/1989, cụ Ph chết. Năm 1994, bà kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất cụ Kh8 được nhà nước cấp, hộ gia đình bà được cấp 02 thửa đất:

1. Thửa số 675 có diện tích 103,2m²;

2. Thửa số 383, diện tích 77,4m²;

Đều cùng tờ bản đồ số 09 ở thôn ĐL, xã HT.

Năm 2003, vợ chồng chị H, anh K được cụ Kh8 gọi lên ở cùng, đã làm nhà lên một phần của thửa đất số 383 (khoảng 30,6m²).

Ngày 11/01/2004, cụ Kh8 lập di chúc, có ông Vũ Duy H chứng kiến, có Trưởng thôn Như Thiết và Chủ tịch xã HT xác nhận di chúc. Nội dung di chúc để lại cho vợ chồng bà toàn bộ thửa đất số 675 có diện tích 103,2m² và một phần của thửa đất số

383; để lại cho vợ chồng chị Hê, anh Kphần còn lại của thửa đất 383 có diện tích 30,6m². Thời điểm cụ Kh8lập di chúc cụ khỏe mạnh, minh mẫn, chữ ký trong di chúc đúng là chữ ký của Cụ Kh8.

Ngày 06/02/2004, cụ Kh8 chết, để lại di chúc phân chia di sản nêu trên.

Bà Kh yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Kh8 để lại theo di chúc cụ Kh8 lập ngày 11/01/2004: Giao cho bà và chồng bà là ông Nguyễn Quang C được quyền sử dụng thửa đất số 383, tờ bản đồ số 09, diện tích 77,4m². Trường hợp đo hiện trạng có diện tích **trên lệch** thì chia theo hiện trạng.

Sau khi Tòa án chia cho vợ chồng bà được nhận thừa kế đất của cụ Kh8 thì bà đề nghị hủy sổ đỏ để cấp sổ mới theo quy định.

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2004 và trong quá trình giải quyết vụ án về “Tranh chấp đất và bồi thường thiệt hại về tài sản” bà yêu cầu vợ chồng anh Vũ Duy K và chị Thân Thị H trả lại bà thửa đất số 675, bồi thường thiệt hại đối với phần nhà và cây thuốc nam mà vợ chồng anh K, chị H đã phá của bà. Ngày 16/10/2019 bà đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với vợ chồng anh K, chị Hê.

Đối với yêu cầu của bà Thân Thị R yêu cầu chia di sản của cụ Kh8 làm 03 phần cho bà R, anh K, chị H mỗi người hưởng một phần, bà không đồng ý.

Các chi phí tố tụng gồm chi phí thẩm định, định giá tài sản đã nộp bà tự nguyện chịu toàn bộ số tiền bà đã nộp, bà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét đối với phần tiền án phí bà đã nộp.

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2006, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bà Thân Thị M là người đại diện theo uỷ quyền của bà Thân Thị R trình bày: Cụ Kh8, cụ Ph là vợ chồng nhưng không có con chung. Năm 1944, Cụ Kh8, cụ Ph nhận bà Thân Thị R làm con nuôi, bà R sống chung cùng vợ chồng Cụ Kh8, cụ Ph. Năm 1948, cụ Ph cưới cụ L. Thời điểm cụ Ph lấy cụ L thì cụ Kh8 làm việc và sống ở Trạm y tế xã HT. Sau khi cụ Kh8 nghỉ hưu (bà không nhớ năm nào), cụ Kh8 được UBND xã HT giao cho thửa đất giáp đường 01 cũ, vợ chồng Bà Kh đã đến sống cùng Cụ Kh8. Bà R không có giấy tờ là con nuôi của cụ Kh8 nhưng tất cả mọi người trong gia đình đều coi bà R như con cái trong nhà.

Năm 2004 cụ Kh8 chết, để lại tài sản gồm: Thửa đất số 675, tờ bản đồ 09, diện tích 102m² và thửa số 383, tờ bản đồ số 09, diện tích 108m² tại xóm C, thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Trước khi chết cụ Kh8 có di chúc để lại một phần tài sản cho anh K phần còn lại thì cho vợ chồng Bà Kh ở nếu vợ chồng Bà Kh không ở thì sẽ để làm nơi thờ cúng. Trên thực tế hiện vợ chồng Bà Kh đã chuyển về tỉnh Hà Nam sinh sống nên phần đất trước đây cụ Kh8 viết trong di chúc là cho vợ chồng Bà Kh ở phải được giao lại cho bà R sử dụng vì bà R là con hợp pháp duy nhất của Cụ Kh8. Bà R yêu cầu chia di sản của cụ Kh8 làm 03 phần bằng nhau, do không có nhu cầu sử dụng đất, bà yêu cầu anh K, Bà Kh trích chia cho bà số tiền 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng). Bà R yêu cầu hủy GCNQSDĐ số P637146, số vào sổ 01149 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H do UBND huyện VY cấp ngày 14/12/1998 cho hộ bà Vũ Thị Kh. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Miền là người đại diện theo uỷ quyền của bà R rút yêu cầu hủy GCNQSDĐ. Bà R tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản mà bà đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

Chị Thân Thị H là người đại diện theo uỷ quyền của anh Vũ Duy K trình bày: Anh Vũ Duy K (chồng chị H) là cháu nội của cụ Vũ Duy Ph và cụ Thân Thị L. Năm 2003, cụ Kh8 và vợ chồng Bà Kh có mâu thuẫn nên cụ Kh8 đã gọi vợ chồng chị về sống chung và đồng ý cho vợ chồng chị xây nhà trên một phần đất của cụ để vợ chồng chị chăm sóc cụ lúc già yếu. Ngày 11/01/2004, cụ Kh8 lập di chúc có nội dung: Cụ Kh8 để lại cho vợ chồng Bà Kh một phần thửa đất số 383 có diện tích 77,4m²; phần còn lại của thửa đất có diện tích 30,2m² và toàn bộ thửa đất số 675 có diện tích 102m² cụ Kh8 cho anh Vũ Duy K được hưởng. Di chúc do ông Nguyễn Hữu Ng viết hộ, ông Vũ Duy H chứng kiến, có Trưởng thôn NT và Chủ tịch xã HT xác nhận di chúc. Thời điểm cụ Kh8 lập di chúc cụ vẫn khỏe mạnh và minh mẫn, chữ ký trong di chúc đúng là chữ ký của Cụ Kh8. Sau đó cụ Kh8 trực tiếp trao di chúc cho vợ chồng chị cất giữ. Ngày 06/02/2004, cụ Kh8 chết. Chị đề nghị chia thừa kế theo đúng di chúc của Cụ Kh8: Chia cho anh K được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 675 và 30,6m² đất của thửa đất số 383. Trường hợp hiện trạng đất có **trên lệch** so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thì chị yêu cầu chia theo hiện trạng. Hiện tại chị và anh Vũ Duy K là người đang trực tiếp quản lý di sản do cụ Kh8 di chúc lại cho anh Vũ Duy K. Đối với những tài sản hình thành trên phần di sản của cụ Kh8 để lại cho

anh K chị không yêu cầu về công sức đóng góp. Bà R yêu cầu chia di sản của cụ Kh8 làm 03 phần cho bà R, anh K, Bà Kh chị không đồng ý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm cụ Thân Thị L, bà Vũ Thị Kh5, bà Vũ Thị Kh1, ông Vũ Thị Kh2, bà Vũ Thị Kh6, bà Vũ Thị Kh7 đều thống nhất trình bày: Đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất. Không ai yêu cầu chia thừa kế đối với di sản do cụ Kh8 để lại.

Chị Thân Thị H là người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Duy Kh3, anh Vũ Duy K, anh Vũ Duy Kh4; bà Vũ Thị Kh là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang C, anh Nguyễn Việt H, anh Nguyễn Quang Tr, chị Nguyễn Thị H đều thống nhất trình bày: Đề nghị chia thừa kế theo di chúc do cụ Kh8 lập. Giao cho vợ chồng Bà Kh, ông C và anh K được quyền hưởng di sản của cụ Kh8 theo di chúc, không có ai yêu cầu chia công sức.

Ủy ban nhân dân huyện VY do ông Lương Ngọc Đ trình bày: Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ Bà Kh đối với thửa đất số 383 và 675 tờ bản đồ số 09 ở thôn ĐL, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định về trình tự thủ tục. Thời điểm đó Bà Kh, cụ Kh8 là thành viên hộ gia đình sử dụng đất, Bà Kh cũng là người sử dụng đất đi kê khai, sau khi niêm yết thông tin không ai thắc mắc gì nên việc cấp GCN là đúng. Không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà R. UBND huyện VY căn cứ vào kết quả bản án để thu hồi, cấp đổi sổ mới cho người được Tòa án giao đất.

Ông Nguyễn Văn M chủ tịch UBND xã HT, huyện VY là người đại diện của UBND xã HT, trình bày: Đối với việc hộ Bà Kh và hộ anh K lấn chiếm đất công ích đề nghị Tòa án chỉ chia đất theo diện tích đất được Nhà nước cấp đổi với diện tích đất lấn chiếm đề nghị không xem xét, không giao cho công dân. Sau này UBND xã sẽ kiểm tra báo cáo UBND huyện xem xét xử lý sau theo quy định.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí T trình bày: Anh là người thuê nhà Bà Kh sau đó sửa để làm nhà kho và ki ốt bán hàng. Anh không có ý kiến gì đối với tranh chấp của các bên.

Người làm chứng là anh Nguyễn Hữu Nghiệp trình bày: Di chúc của cụ Kh8 là do anh chép lại sau đó cụ Kh8 ký trước mặt anh. Anh khẳng định thời điểm đó cụ Kh8 minh mẫn, tỉnh táo.

Ông Thân Ngọc Vượng, ông Trần Văn Khanh trình bày: Sau khi lập di chúc cụ Kh8 và anh K đến gặp, xin xác nhận vào di chúc, thời điểm đó cụ Kh8 hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh. Thôn đã xác nhận và UBND xã đã chứng thực vào di chúc của cụ Kh8 theo đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp đất đai, tranh chấp về bồi thường thiệt hại về tài sản theo yêu cầu khởi kiện của Bà Kh với anh K. Ngày 15/10/2004, bà Vũ Thị Kh khởi kiện yêu cầu anh K trả lại thửa đất số 675, tờ bản đồ số 9. Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang thụ lý số 02/2005/TCDS ngày 26/1/2005 và đã xét xử bằng bản án số 07/2005/DSST ngày 08/7/2005 (bút lục 96), bác yêu cầu khởi kiện của Bà Kh. Sau khi xét xử sơ thẩm Bà Kh kháng cáo: Tại bản án phúc thẩm số 78/2005/DSPT ngày 27/9/2005 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Huỷ bản án dân sự sơ thẩm 07/2005/DSST ngày 08/7/2005 của Toà án nhân dân huyện VY, giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại theo thủ tục chung (bút lục 129- 135). Sau khi thụ lý lại vụ án Toà án nhân dân huyện VY đã xét xử bằng bản án số 06/2006/DS- ST ngày 29/5/2006 (bút lục số 157), bác yêu cầu khởi kiện của Bà Kh. Bà Kh kháng cáo bản án số 07/2005/DSST ngày 08/7/2005 của Toà án nhân dân huyện VY. Tại bản án số 82/2006/DSPT ngày 15/9/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo của Bà Kh, sửa bản án sơ thẩm số 07/2005/DSST ngày 08/7/2005 của Toà án nhân dân huyện VY (bút lục số 226- 232), tạm giao cho Bà Kh quản lý, sử dụng thửa đất số 675, tờ bản đồ số 9. Tại Quyết định kháng nghị số 436/2009/KN - DS ngày 20/8/2009 của Toà án nhân dân tối cao, kháng nghị bản án dân sự số 82/2006/DSPT ngày 15/9/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang (bút lục số 240). Tại Quyết định giám đốc thẩm số 538/2009/DS - GĐT ngày 26/10/2009 của Toà án nhân dân Tối cao quyết định huỷ bản án dân sự phúc thẩm số 82/2006/DSPT ngày 15/9/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2006/DSST ngày 29/5/2006 của Toà án nhân dân huyện VY, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện VY xét xử lại theo quy định của pháp luật (bút lục số 242, 247). Sau khi thụ lý lại vụ án Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang đã xét xử bằng bản án số 18/2010/DS - ST ngày 12/10/2010 (bút lục số 369, 373), buộc anh K, chị H trả lại Bà Kh thửa đất số 675, tờ bản đồ số 9. Sau khi xét xử anh K kháng cáo: Tại bản án số 10/2011/DSPT ngày 11/3/2011 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định giữ nguyên bản án số

18/2010/DS - ST ngày 12/10/2010 của Toà án nhân dân huyện VY (bút lục số 443). Tại quyết định tái thẩm số 62/2018/DS – TT ngày 09/10/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Huỷ toàn bộ bản án dân sự số 10/2011/DSPT ngày 11/3/2011 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 18/2010/DSST ngày 12/10/2010 của Toà án nhân dân huyện VY. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện VY giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quá trình giải quyết yêu cầu chia thừa kế tài sản theo yêu cầu khởi kiện của bà R với Bà Kh: Ngày 13/12/2006, bà R khởi kiện Bà Kh, yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Thân Thị Kh8 để lại. Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang đã xét xử bằng bản án số 14/DS - ST ngày 03/11/2014 (bút lục số 329), chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà R đối với Bà Kh, ông C. Sau khi xét xử sơ thẩm bà R kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện VY kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại bản án số 08/2016/DSPT ngày 14/1/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/DSST ngày 03/11/2014 của Toà án nhân dân huyện VY (bút lục số 436- 444). Tại quyết định giám đốc thẩm số 31/2018/DS- GĐT ngày 21/5/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Huỷ toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm số 08/2016/DSPT ngày 14/01/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/DSST ngày 03/11/2014 của Toà án nhân dân huyện VY. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/7/2018, Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang thụ lý lại vụ án tranh chấp thừa kế của bà Thân Thị R khởi kiện Bà Kh. Ngày 04/01/2019, Toà án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang thụ lý lại vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản giữa Bà Kh với anh K.

Ngày 04/7/2019, Toà án nhân dân huyện VY có quyết định nhập vụ án số 01/2019/QĐST- DS nhập yêu cầu chia thừa kế của bà R đối với Bà Kh và yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của Bà Kh đối với anh K để giải quyết trong cùng một vụ án.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 08/10/2019 của Toà án nhân dân huyện VY xác định được: Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 9, diện tích 108m²; thửa số 675, tờ bản đồ số 9, diện tích 102m². Tổng diện tích

02 thửa: 210m^2 nhân giá $8.000.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 1.680.000.000\text{đồng}$ (một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 24/2021/DS-ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 1, 3, 4, 5 10, 11, 12, 13, 14, 23 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 649, 650, 651, 652, 653, 655, 659, 660 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của bà Thân Thị R về việc: Yêu cầu hủy GCNQSDĐ số P637146, số vào sổ 01149 QSDĐ/648/1998/QĐ-UB/H ngày 14/12/1998 do UBND huyện VY cấp cho hộ bà Vũ Thị Kh, đối với thửa đất số 675, tờ bản đồ 09 và thửa số 383, tờ bản đồ số 09 tại xóm Chay, thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Vũ Thị Kh về việc “Tranh chấp đất và bồi thường thiệt hại về tài sản”.

3. Xác định di chúc do cụ Thân Thị Kh lập ngày 11/01/2004 là hợp pháp. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Vũ Thị Kh, ông Nguyễn Quang C và anh Vũ Duy K. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Thân Thị R.

Chia cho anh Vũ Duy K được quyền sử dụng thửa đất số 675 tờ bản đồ số 09 ở thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY (theo kết quả đo hiện trạng có diện tích là $102,7\text{m}^2$, theo GCNQSDĐ là 102m^2): Cạnh phía bắc giáp nương nước dài 4,87m; cạnh phía nam giáp cánh đồng dài 4,87m, cạnh phía đông giáp nhà ông Toàn dài 21,45m, cạnh phía tây giáp nhà ông Miến dài 21,45m và được quyền sử dụng một phần thửa đất số 383, tờ bản đồ số 09 ở thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY có diện tích $30,6\text{m}^2$ ở thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY. Có cạnh phía bắc giáp đường 295B dài 4,5m, cạnh phía nam giáp nương nước dài 4,5m, cạnh phía đông giáp phần đất chia cho Bà Kh, ông C dài 6,8m, cạnh phía tây giáp đất ông Thân Đức Miến dài 6,8m (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Chia cho bà Vũ Thị Kh và ông Nguyễn Quang C được quyền sử dụng phần còn lại của thửa đất số 383, tờ bản đồ số 09 (có diện tích theo kết quả đo hiện trạng 76m^2 ,

theo GCNQSDĐ là 77,4m²) ở thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY. Cạnh phía bắc giáp đường 295B dài 11,15m, cạnh phía nam giáp ruộng nước dài 11,27m, cạnh phía đông giáp đất ông Thân Đức Xuân dài 6,8m, cạnh phía tây giáp đất chia cho anh K dài 6,8m (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá tài sản, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/11/2021, bà chị Thân Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bà Thân Thị R kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 09 diện tích theo kết quả đo hiện trạng 76m², **theo GCNQSDĐ là 77,4m²** tại thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY là tài sản riêng của Cụ Kh8, cụ Kh8 lập di chúc khi tuổi đã cao, không còn minh mẫn, bản di chúc ngày 11/01/2004 là bản sao chép lại, không đúng với mong muốn của Cụ Kh8.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết theo pháp luật, giải quyết công bằng cho bà R.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Thân Thị R (do chị Thân Thị M đại diện theo ủy quyền) không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Bà Miên là người đại diện theo ủy quyền của bà R trình bày: Thửa đất số 675 và thửa đất số 383 đều cùng tờ bản đồ số 9 tại thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY có nguồn gốc là tài sản của Cụ Kh8. Việc cụ Kh8 lập di chúc khi tuổi đã cao, không còn minh mẫn, bản di chúc ngày 11/01/2004 là bản sao chép lại, không đúng với mong muốn của cụ Kh8 nên không hợp pháp. Bà R là con nuôi duy nhất của cụ Kh8 nên được quyền hưởng di sản do cụ Kh8 để lại. Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế 02 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Bà R đồng ý chia là 03 phần bằng nhau cho bà R, anh K, Bà Kh. Bà R yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế bằng 500.000.000 đồng tiền mặt.

Chị H trình bày: Di chúc cụ Kh8 lập là đúng, bản án sơ thẩm đã chia di sản của cụ Kh8 theo nội dung di chúc cụ lập ngày 11/01/2004 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà R, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:* Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự theo đúng quy định tại Điều 285 BLTTDS; chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm c khoản 1 Điều 286 BLTTDS; thực hiện việc gửi hồ sơ vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu tham gia phiên tòa; việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người kháng cáo, người liên quan đến việc kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 290, Điều 292 BLTTDS.

- *Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:* Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm: Xét xử đúng, đủ thành phần theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; trình tự thủ tục tại phiên tòa đúng quy định tại các Điều 297, Điều 298, Điều 302, Điều 303, Điều 305, Điều 306 BLTTDS.

- *Về việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa:* Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các việc khác theo đúng quy định tại Điều 237 BLTTDS.

Đối với đương sự:

Nguyên đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, Điều 71 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

Bị đơn: Thực hiện đúng các Điều 70, Điều 72 BLTTDS quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 của BLTTDS.

- *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không Chấp kháng cáo của bà Thân Thị R. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS-ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Thân Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Xác định tư cách đương sự: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Ngày 15/10/2004, Bà Kh có đơn khởi kiện yêu cầu anh K trả lại thửa đất số 675, tờ bản đồ số 9 (bút lục số 02), được Toà án nhân dân huyện VY thụ lý lần đầu bằng hồ sơ thụ lý số 02/2005/TCDS ngày 26/01/2005.

Ngày 13/12/2006, bà R khởi kiện Bà Kh, yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Kh8 để lại, được Toà án nhân dân huyện VY thụ lý lần đầu bằng hồ sơ vụ án thụ lý số 15/2007/TLST- DS ngày 01/6/2007.

Toà án nhân dân huyện VY quyết định nhập vụ án về yêu cầu chia thừa kế của bà R đối với Bà Kh và yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của Bà Kh đối với anh K để giải quyết trong cùng một vụ án. Vì vậy phải xác định bà R là nguyên đơn theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm, Bà Kh, ông C đã được triệu tập hai lần hợp lệ nhưng vắng mặt, anh K, bà R vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền có mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng họ không có liên quan đến kháng cáo và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Thân Thị R (do chị Thân Thị M đại diện theo uỷ quyền), Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất là đối tượng chia thừa kế: Cả nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều xác nhận thửa đất số 675, tờ bản đồ 09, diện tích 102m² và thửa số 383, tờ bản đồ số 09, diện tích 108m² tại xóm Chay, thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang do UBND xã HT giao quyền sử dụng đất cho cụ Kh8 từ năm 1980, thời điểm này cụ Kh8 sống 01 mình. UBND xã HT và các đương sự trong vụ án đều xác định cả 02 thửa đất do xã HT cấp cho một mình Cụ Kh8, khi còn sống cụ Kh8 chưa có văn bản chuyển quyền sử dụng thửa đất cho ai. Các đương sự đều thừa nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 675, tờ bản đồ 09, diện tích 102m² và thửa đất số 383, diện tích 77,4m² là tài sản riêng của Cụ Kh8. Năm 1980 vợ chồng Bà Kh đến sống chung cùng cụ Kh8 đến năm 2003, trong thời gian này Bà Kh kê khai cấp GCNQSDĐ mang tên hộ gia đình Bà Kh nhưng không có

tài liệu thể hiện cụ Kh8 cho vợ chồng Bà Kh được quyền sử dụng đất khi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất.

Ngày 11/01/2004, cụ Kh8 lập di chúc phân chia quyền sử dụng của thửa đất số 675 và thửa đất số 383, tờ bản đồ số 09 ở thôn Đức Liễn, xã HT, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Theo nội dung di chúc thì: Cụ Kh8 cho anh K 102m² đất tại thửa số 675, và 30,6m² tại thửa đất số 383 (phía bắc 4,5m, phía nam 4,5m, phía tây 6,8m, phía đông 6,8m). Phần còn lại của thửa đất số 383 còn lại 77,4m² cụ cho Bà Kh và ông C (chồng Bà Kh). Bà Kh, ông C nếu cứ ở thì cho ở, nếu có nhu cầu chuyển đi nơi khác thì phải trả lại đất chứ không có quyền bán, kể cả khi cụ qua đời thì trả lại đất cho cháu nội thứ hai của cụ là Vũ Duy Kh4.

Ngày 06/02/2004, cụ Kh8 chết. Các đương sự đều cùng đồng ý chia di sản của cụ Kh8 là 02 thửa đất nêu trên. Phía Bà Kh, anh Kyêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất theo di chúc ngày 11/01/2004 của Cụ Kh8. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của Bà Kh, anh K là bản di chúc ngày 11/01/2004; phía bà R cho rằng di chúc ngày 11/01/2004 cụ Kh8 lập là không hợp pháp nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Bà R yêu cầu chia di sản làm 03 phần bằng nhau cho bà R, Bà Kh, anh K, bà R đề nghị được nhận bằng 500.000.000 đồng.

[2.2] Xét tính hợp pháp của di chúc, Hội đồng xét xử thấy: Tại quyết định giám đốc thẩm số 538/2009/DS- GĐT ngày 26/10/2009 của Toà án nhân dân tối cao và quyết định tái thẩm số 62/2018/DS - TT ngày 09/10/2018 của Toà án nhân dân cấp cao (bút lục số 242) đã nhận định về tính hợp pháp của bản di chúc ngày 11/01/2004 của cụ Thân Thị Kh8 như sau: Thời điểm mở thừa kế của cụ Kh8 là ngày 06/02/2004, vì vậy, di chúc của cụ Kh8 phải được xem xét theo quy định của Bộ luật dân sự năm 1995. Di chúc của cụ Kh8 do người khác viết hộ nhưng có nhiều người làm chứng và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nên di chúc hợp pháp “di chúc bằng văn bản có người làm chứng” theo Điều 659 cũng như loại “di chúc có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã” theo Điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995.

Đây là tình tiết, đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm chia di sản của cụ Kh8 theo nội

dung di chúc ngày 11/01/2004 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 659,66,687 Bộ luật dân sự năm 1995.

Trong nội dung di chúc có nêu: Diện tích đất 77,4m² của thửa đất số 383, nếu vợ chồng Bà Kh không ở thì giao lại cho anh Vũ Duy Kh4 nhưng chị H là người đại diện của anh Kh4 và Bà Kh đều đồng ý chia cho vợ chồng Bà Kh được quyền sử dụng 77,4m² đất của thửa 383 và không yêu cầu vợ chồng Bà Kh phải trả diện tích đất này nếu vợ chồng Bà Kh không ở đó nữa. Việc thỏa thuận của hai bên là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà R yêu cầu chia di sản của cụ Kh8 theo pháp luật thành 03 phần bằng nhau, yêu cầu Bà Kh, anh K phải trích chia cho bà số tiền 500.000.000 đồng là không có căn cứ trái với ý trí của cụ Kh8 ghi trong di chúc nên không được chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị R (do bà Thân Thị M là người đại diện theo ủy quyền). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS- ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Thân Thị R là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 294, Điều 296, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thân Thị R (do bà Thân Thị M là người đại diện theo ủy quyền). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2021/DS- ST ngày 20/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Thân Thị R.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện VY;
- Chi cục THADS huyện VY;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Thạo